

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **7613**/BKHDĐT-TH  
V/v tổng kết tình hình thực hiện  
Nghị quyết số 01/NQ-CP

Hà Nội, ngày **04** tháng 11 năm 2021

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là bộ, cơ quan trung ương, địa phương) tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20/11/2021 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ. Để triển khai nhiệm vụ này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP như sau:

1. Về nội dung: đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo Đề cương đính kèm<sup>1</sup> (bao gồm báo cáo phần lời và các phụ lục) về tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ ngày 01/01/2021 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

Đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương rà soát, báo cáo đầy đủ các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 01/NQ-CP tương ứng với các nội dung tại Đề cương.

2. Về thời gian, hình thức báo cáo: Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương, địa phương báo cáo bằng văn bản về đầy đủ nội dung nêu trên, gửi Văn phòng

<sup>1</sup> Đề cương báo cáo được đăng tải trên website của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo đường link sau: <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=52071&idcm=131>

Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư *trước ngày 20/11/2024*; đồng thời gửi bản mềm (dạng Word và PDF) vào thư điện tử: [thktxh@mpi.gov.vn](mailto:thktxh@mpi.gov.vn)<sup>2</sup> để tổng hợp báo cáo Chính phủ. *f*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KHĐT: Bộ trưởng (để b/c), các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TH.

T<sub>2</sub>



KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Phương

<sup>2</sup> Trong trường hợp cần thiết, xin liên hệ Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đ/c Hoàng Kim Tú) theo số điện thoại 080.44978.



Phụ lục số 1  
**ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**  
**CHƯƠNG TRÌNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021**  
(Kèm theo Quyết định số 76/3 /BKHT-TH ngày 4 tháng 11 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021 Quốc hội giao	Mục tiêu phấn đấu năm 2021 của Chính phủ	Ước thực hiện năm 2021	Đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	Khoảng 6	Khoảng 6,5			Bộ KHĐT
2	GDP bình quân đầu người	USD	Khoảng 3.700	Khoảng 3.700			Bộ KHĐT
3	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	Khoảng 4	Khoảng 4			Bộ KHĐT
4	Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng	%	Khoảng 45-47	Khoảng 45-47			Bộ KHĐT
5	Tốc độ tăng năng suất, lao động xã hội	%	Khoảng 4,8	Khoảng 4,8			Bộ KHĐT
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	Khoảng 66	Khoảng 66			Bộ LĐTĐ
6	- Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	Khoảng 25,5	Khoảng 25,5			
7	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	Khoảng 91	Khoảng 91			Bộ YT
8	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều	Điểm m %	1 - 1,5	1 - 1,5			Bộ LĐTĐ
9	Tỷ lệ dân cư khu vực thành thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống; cấp nước tập trung	%	Trên 90	Trên 90			Bộ XD
10	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị	%	Trên 87	Trên 87			Bộ TNMT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021 Quốc hội giao	Mục tiêu phấn đấu năm 2021 của Chính phủ	Ước thực hiện năm 2021	Đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
11	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	Khoảng 91	Khoảng 91			Bộ KHĐT
12	Tỷ lệ che phủ rừng	%	Khoảng 42	Khoảng 42			Bộ NNPTNT





**Phụ lục số 2**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ CỦA**  
**CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2021**  
*(Kèm theo Văn bản số 76/3 /BKHT-TH ngày 4 tháng 11 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	<b>Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô</b>					
1	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng	%	< 3			NHNNVN
2	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ xấu đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), nợ đã thực hiện các biện pháp phân loại nợ (không bao gồm nợ xấu của các ngân hàng thương mại yếu kém, nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)	%	< 5			NHNNVN
3	Tỷ lệ động viên vào ngân sách nhà nước	%	15,5			Bộ TC
4	Tỷ lệ nợ đọng thuế	%	< 5			Bộ TC
5	Tăng thu so với dự toán ngân sách nhà nước	%	3			Bộ TC
6	Tỷ trọng chi thường xuyên (không bao gồm chi cải cách tiền lương và tinh giản biên chế)	%	61,5			Bộ TC
7	Tỷ trọng chi đầu tư phát triển	%	28,3			Bộ TC
8	Bội chi ngân sách nhà nước so GDP	%	4			Bộ TC

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
9	Dư nợ công trên GDP	%	46,1			Bộ TC
10	Nợ Chính phủ trên GDP	%	41,9			Bộ TC
11	Tốc độ tăng tổng kim, ngạch xuất khẩu	%	4-5			Bộ CT
12	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP	%	Khoảng 34,5			Bộ KHĐT
II	<b>Một số chỉ tiêu về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng</b>					
13	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	%	Tối thiểu 50			Bộ KHCN
14	Chỉ số đổi mới sáng tạo quốc gia	Thứ hạng	Trong nhóm 03 quốc gia dẫn đầu của ASEAN			Bộ KHCN
15	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	8			Bộ CT
16	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	8			Bộ CT
17	Tăng trưởng thị trường thương mại điện tử B2C	%	20-22			Bộ CT
18	Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử	%	55			Bộ CT
III	<b>Một số chỉ tiêu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng</b>					

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
19	Điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống điện quốc gia	Tỷ Kwh	262-269	Bộ CT		Bộ CT
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	5,2-8,0			
20	Điện thương phẩm toàn hệ thống	Tỷ Kwh	226-232	Bộ CT		Bộ CT
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	5,6-8,3			
21	Diện tích nhà ở bình quân cả nước	m <sup>2</sup> sản/người	25			Bộ XD
22	Tỷ lệ đô thị hóa	%	40,5-41,5			Bộ XD
23	Số thuê bao băng rộng cố định trên 100 dân	Thuê bao	18			Bộ TTTT
24	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	Thuê bao	82			Bộ TTTT
25	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại thông minh trên số người sử dụng điện thoại di động	%	Trên 90			Bộ TTTT
26	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang	%	60			Bộ TTTT
27	Tỷ lệ các thôn được phủ sóng di động hoặc internet	%	100			Bộ TTTT
28	Tỷ lệ xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ	%	100			Bộ TTTT
29	Tỷ lệ hộ gia đình tiếp cận kênh truyền hình thiết yếu qua môi trường mạng	%	Trên 80			Bộ TTTT
30	Tỷ lệ sách xuất bản điện tử	%	10			Bộ TTTT
31	Tỷ lệ hộ gia đình có sử dụng ít nhất 1 thiết bị thông	%	Trên 95			Bộ TTTT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	minh					
32	Tỷ lệ người sử dụng Internet	%	71			Bộ TTTT
33	Số doanh nghiệp công nghệ số trên một nghìn dân	Doanh nghiệp	0,7			Bộ TTTT
IV	<b>Một số chỉ tiêu về phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xây dựng nông thôn mới; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội</b>					
34	Đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	90.000			Bộ LĐTBXH
35	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	35			Bộ LĐTBXH
36	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo thất nghiệp	%	28			Bộ LĐTBXH
37	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	60			Bộ YT
38	Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh)	Tuổi	73,8			Bộ YT
39	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	111,4			Bộ YT
40	Số giường bệnh viện trên 10.000 dân	Giường	28,5			Bộ YT
41	Số bác sỹ trên 10.000 dân	Bác sỹ	9,2			Bộ YT
42	Số dược sỹ đại học trên 10.000 dân	Người	3,0			Bộ YT



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
43	Số điều dưỡng trên 10.000 dân	Người	13,0			Bộ YT
44	Tỷ số tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống	Người	45,5			Bộ YT
45	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	‰	13,7			Bộ YT
46	Tỷ suất tử vong của trẻ em < 5 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	‰	20,4			Bộ YT
47	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân của trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng theo tuổi)	%	11,7			Bộ YT
48	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi (chiều cao/tuổi)	%	21			Bộ YT
49	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng mở rộng đầy đủ các loại vắc xin	%	>95			Bộ YT
50	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2021-2030	%	50			Bộ YT
51	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%	93			Bộ YT
52	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	>80			Bộ YT
53	Tỷ lệ người lao động có nguy cơ được quản lý và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp	%	25			Bộ YT
54	Tỷ lệ chất thải y tế của bệnh viện được xử lý đạt	%	91			Bộ YT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	quy chuẩn					
55	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%	30			Bộ GDĐT
56	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%	92			Bộ GDĐT
57	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Số tỉnh	63			Bộ GDĐT
58	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	Số tỉnh	21			Bộ GDĐT
59	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 1)	Số tỉnh	50			Bộ GDĐT
60	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 2)	Số tỉnh	37			Bộ GDĐT
61	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 3)	Số tỉnh	13			Bộ GDĐT
62	Tỷ lệ lượt người được tham gia đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở giáo dục thường xuyên	%	45			Bộ GDĐT
63	Kết quả đạt chuẩn xóa mù chữ (tỉnh đạt chuẩn mức độ 1)	Số tỉnh	40			Bộ GDĐT
64	Kết quả đạt chuẩn xóa mù chữ (tỉnh đạt chuẩn mức độ 2)	Số tỉnh	60			Bộ GDĐT
65	Tỷ lệ giảng viên đại học có	%	28			Bộ GDĐT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	bảng tiến sỹ					
66	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	91			Bộ NNPTNT
67	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	%	68			Bộ NNPTNT
68	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới	%	75			Bộ NNPTNT
69	Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	Đơn vị	193			Bộ NNPTNT
70	Ngăn chặn, xử lý nghiêm, kịp thời các thông tin xấu, độc, sai sự thật mà phát hiện và xác minh được trên mạng xã hội	%	85-90			Bộ TTTT
V	<b>Một số chỉ tiêu về cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh</b>					
71	Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ bình quân cả nước (Par-Index)	%	85,5			Bộ NV
72	Chỉ số cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bình quân cả nước (Par-Index)	%	82			Bộ NV
73	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bình quân cả nước (SIPAS)	%	86			Bộ NV

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
74	Tỷ lệ tinh giản biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước	%	giảm ít nhất là 10% so với số biên chế công chức được giao năm 2015 (của khối Chính phủ quản lý)			Bộ NV
75	Tỷ lệ tinh giản biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước	%	giảm ít nhất là 10% so với số lượng người làm việc được giao năm 2015 (của khối Chính phủ quản lý)			Bộ NV
76	Tỷ lệ các bộ, ngành, địa phương triển khai đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính	%	30			VPCP
77	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các bộ, ngành, địa phương lên Cổng Dịch vụ công quốc gia tăng thêm so với năm	%	20			VPCP



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	2020.					
78	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng, số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	%	25			VPCP
79	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	50			VPCP
80	Tỷ lệ cung cấp thanh toán trực tuyến đối với các khoản thuế nội địa trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	100			VPCP
81	Tỷ lệ các bệnh viện từ hạng 2 trở lên cung cấp thanh toán viện phí trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	50			VPCP
82	Tỷ lệ các trường đại học, cao đẳng, trung cấp cung cấp thanh toán học phí trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	30			VPCP
83	Tỷ lệ đơn vị cấp xã cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	%	35			VPCP
84	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ đầy đủ kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính	%	100			VPCP
85	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính của bộ, ngành, địa phương được	%	100			VPCP

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	đồng bộ đầy đủ trên Công Dịch vụ công quốc gia.					
86	Tỷ lệ hồ sơ của hệ thống một cửa điện tử của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ trạng thái trên Công Dịch vụ công quốc gia phục vụ việc theo dõi, giám sát, đánh giá.	%	100			VPCP
87	Tỷ lệ Hệ thống thông tin báo cáo và phần mềm các chế độ báo cáo của bộ, ngành, địa phương được xây dựng, triển khai và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	%	100			VPCP
88	Tỷ lệ các chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được triển khai trên Hệ thống thông tin báo cáo của bộ, ngành, địa phương và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	%	50			VPCP
89	Tỷ lệ các chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương không phải báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được triển khai trên Hệ thống thông tin báo cáo của bộ, ngành, địa phương.	%	50			VPCP
90	Tỷ lệ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; Bộ phận Một cửa cấp bộ, cấp tỉnh kết nối, tích hợp với Trung	%	100			VPCP

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ					
91	Tỷ lệ các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2021 cung cấp, tích hợp trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	%	100			VPCP
92	Tỷ lệ các vụ, cục và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan Chính phủ xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng	%				VPCP
	<i>Đối với các vụ, cục và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.</i>	%	100			VPCP
	<i>Đối với các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i>	%	100			VPCP
	<i>Đối với các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện.</i>	%	80			VPCP
93	Tỷ lệ các địa phương triển khai Hệ thống thông tin hợp và xử lý công việc của HĐND và UBND cấp tỉnh.	%	50			VPCP
94	Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa quy định; chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại	%	10-15			VPCP

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đấu năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020					
95	Tỷ lệ về số lượng gói thầu thực hiện đấu thầu qua mạng	%	70			Bộ KHĐT
96	Tỷ lệ về giá trị gói thầu thực hiện đấu thầu qua mạng	%	35			Bộ KHĐT





**Phụ lục số 3**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐƯỢC GIAO TẠI PHỤ**  
**LỤC SỐ 4 KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NGÀY 01/01/2021**  
**CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Kèm theo văn bản số 7613 /BKHĐT-TH ngày 4 tháng 11 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2021		Ghi chú (Đề nghị các bộ, cơ quan TW, địa phương báo cáo đầy đủ các nhiệm vụ cụ thể được giao tại Phụ lục số 4 kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP)
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	
				Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc chậm tiến độ	Thời gian dự kiến hoàn thành	
1	Nhóm nhiệm vụ về công tác xây dựng, thi hành hệ thống pháp luật, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng thuận lợi tạo điều kiện phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế					
...	Nhiệm vụ .....					
...	Nhiệm vụ .....					
...	.....					
2	Nhóm nhiệm vụ về cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, nâng cao năng lực nội tại, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế					

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2021			Ghi chú (Đề nghị các bộ, cơ quan TW, địa phương báo cáo đầy đủ các nhiệm vụ cụ thể được giao tại Phụ lục số 4 kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP)
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ	Thời gian dự kiến hoàn thành	
...	Nhiệm vụ .....						
...	Nhiệm vụ .....						
...	.....						
3	<b>Nhóm nhiệm vụ về huy động và sử dụng các nguồn lực, xây dựng quy hoạch và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội trọng điểm, tăng cường liên kết vùng, phát triển kinh tế vùng, kinh tế biển, phát triển đô thị và nông thôn</b>						
...	Nhiệm vụ .....						
...	Nhiệm vụ .....						
...	.....						
4	<b>Nhóm nhiệm vụ về nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ</b>						
...	Nhiệm vụ .....						
...	Nhiệm vụ .....						
...	.....						
5	<b>Nhóm nhiệm vụ về phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội</b>						
...	Nhiệm vụ .....						
...	Nhiệm vụ .....						
...	.....						

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2021			Ghi chú (Đề nghị các bộ, cơ quan TW, địa phương báo cáo đầy đủ các nhiệm vụ cụ thể được giao tại Phụ lục số 4 kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP)
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ	Thời gian dự kiến hoàn thành	
6	Nhóm nhiệm vụ về quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai						
...	Nhiệm vụ .....						
...	Nhiệm vụ .....						
...	.....						
7	Nhóm nhiệm vụ về tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, giải quyết khiếu nại tố cáo						
...	Nhiệm vụ .....						
...	Nhiệm vụ .....						
...	.....						
8	Nhóm nhiệm vụ về bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế						
...	Nhiệm vụ .....						
...	Nhiệm vụ .....						
...	.....						
9	Nhóm nhiệm vụ về thông tin, truyền thông tạo niềm tin, đồng thuận xã hội						
...	Nhiệm vụ .....						
...	Nhiệm vụ .....						
...	.....						





## ĐỀ CƯƠNG

**Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển KTXH và dự toán NSNN năm 2021**  
(Kèm theo văn bản số 7613 /BKHĐT-TH ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

### I. KẾT QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Việc quán triệt phương châm phát huy tối đa các mặt tích cực, kết quả đạt được trong những năm qua, khẩn trương khắc phục hiệu quả các hạn chế, bất cập.

2. Việc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thiết thực và toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Kết luận Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, các Nghị quyết khác của Đảng, Quốc hội và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Việc xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, các văn bản cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết; trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và phân công đơn vị chủ trì.

4. Việc kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

5. Việc tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 (Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, các bộ, ngành trung ương và địa phương).

### II. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2021

1. Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ phục vụ tổ chức Đại hội Đảng, bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; chuẩn bị, ban hành và



## **triển khai ngay các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Đảng, Quốc hội**

a) Triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả chương trình, kế hoạch công tác phục vụ tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

b) Xây dựng, ban hành ngay các chương trình hành động, kế hoạch công tác để tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và các kết luận, nghị quyết của Đảng, Quốc hội.

c) Xây dựng, triển khai quyết liệt, hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp đột phá chiến lược, các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, các kế hoạch 5 năm trên các lĩnh vực, trong đó có cơ cấu lại nền kinh tế, tài chính, đầu tư công.

## **2. Tiếp tục thực hiện linh hoạt, hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống đại dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới**

a) Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền nâng cao ý thức phòng, chống dịch, tuyệt đối không chủ quan trước dịch bệnh; tiếp tục củng cố trạng thái bình thường mới. Kiểm soát phù hợp người nhập cảnh, ngăn chặn hiệu quả nguồn bệnh xâm nhập từ bên ngoài. Xem xét mở lại các đường bay thương mại quốc tế khi điều kiện cho phép, bảo đảm phù hợp với yêu cầu phòng, chống dịch Covid-19. Đẩy nhanh việc nghiên cứu, hợp tác quốc tế trong phát triển vắc-xin và có giải pháp để người dân tiếp cận vắc-xin phòng dịch Covid-19 sớm nhất.

b) Chủ động bố trí nguồn lực và triển khai các giải pháp phù hợp, kịp thời (trong đó có các giải pháp tín dụng, tài chính, ngân sách nhà nước, thuế, phí, lệ phí...) để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, người lao động bị mất việc, thiếu việc làm, giảm sâu thu nhập do đại dịch Covid-19 và khôi phục sản xuất, kinh doanh, nhất là trong các ngành vụ, du lịch, hàng không...

## **3. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo thuận lợi cho phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế**

a) Triển khai nghiêm túc, hiệu quả Kết luận số 83-KL/TW ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Bộ Chính trị về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Tăng cường kỷ cương, nâng cao hiệu quả trong công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật gắn với thực thi nghiêm pháp luật. Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là các văn bản có quy định liên quan đến điều kiện đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính, chế độ báo cáo, kiểm tra chuyên ngành, tiêu chuẩn, quy chuẩn. Kịp thời ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật mới ban hành, bảo đảm chất lượng và giảm thiểu số lượng văn bản ban hành.

b) Rà soát sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật, các cơ chế, chính sách, nhất là trong lĩnh vực ngân sách nhà nước, thuế, đất đai, tài nguyên, môi trường, đầu tư, xây dựng, thương mại, quản lý thị trường... để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, giải phóng các nguồn lực cho phát triển, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi. Đẩy mạnh phát triển các thị trường tài chính, chứng khoán, bảo hiểm; tăng cường quản lý thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Phát triển thị trường lao động theo hướng minh bạch, cạnh tranh và hội nhập, đa dạng các hình thức kết nối cung - cầu lao động, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn nhân lực.

c) Tập trung hoàn thiện quy định pháp luật, đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật để làm cơ sở cho việc xác định giá dịch vụ sự nghiệp công.

d) Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, bảo đảm an toàn hệ thống; phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách khác nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Điều hành tăng trưởng tín dụng hợp lý gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên; phát huy hiệu quả tín dụng chính sách; triển khai các giải pháp hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Phát triển đa dạng sản phẩm tín dụng ngân hàng, góp phần hạn chế tín dụng đen và cho vay nặng lãi.

đ) Đẩy mạnh cơ cấu lại ngân sách nhà nước và tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, chống thất thu, chuyển giá, trốn lậu thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế. Hiện đại hóa hệ thống thuế, hải quan, kho bạc nhà nước, mở rộng triển khai hóa đơn điện tử. Ưu tiên dành nguồn lực cho đầu tư phát triển;



triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thật cần thiết, nhất là chi thường xuyên, giảm tối đa kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước. Rà soát, tổ chức sắp xếp lại, đổi mới cơ chế hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Tiếp tục thực hiện cơ chế tài chính đặc thù đối với một số cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước cho tới khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nợ công, không để ảnh hưởng đến xếp hạng tín nhiệm quốc gia.

e) Công khai, minh bạch trong điều hành đối với giá điện, xăng dầu cùng như các hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu khác có ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của người dân. Bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa thiết yếu, ổn định giá cả thị trường, nhất là trong dịp Lễ, Tết. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm hành vi tăng giá bất hợp lý, đầu cơ găm hàng, thao túng thị trường và hàng giả; có các giải pháp đồng bộ, kịp thời để đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, gian lận xuất xứ, không để ảnh hưởng tới thương mại quốc gia, bảo vệ phù hợp sản xuất và tiêu dùng trong nước.

g) Thúc đẩy mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất, nhập khẩu, không để phụ thuộc quá lớn vào một thị trường. Tăng cường xúc tiến thương mại gắn với đẩy mạnh xây dựng thương hiệu hàng Việt Nam. Chủ động giải quyết hài hòa quan hệ thương mại với các đối tác lớn. Hỗ trợ doanh nghiệp kết nối qua các nền tảng số, xuất khẩu qua các nền tảng thương mại điện tử lớn. Triển khai hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết; kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ để khai thác và tận dụng các ưu đãi; tiếp tục đàm phán, ký kết các FTA với các đối tác. Tăng cường các biện pháp phòng vệ, xây dựng và vận hành hiệu quả Hệ thống cảnh báo sớm về phòng vệ thương mại phù hợp với các cam kết quốc tế để bảo vệ sản xuất trong nước và hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với các vụ kiện phòng vệ thương mại của nước ngoài.

h) Chú trọng phát triển thị trường trong nước, đẩy mạnh lưu thông và kích thích tiêu dùng hàng Việt Nam. Nâng cao tính kết nối giữa sản xuất với thị trường theo chuỗi cung ứng; phát triển hệ thống phân phối thông qua các Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Phát triển đa dạng, phù hợp các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại, kết hợp hài hòa giữa hạ tầng thương mại truyền thống và hạ tầng thương mại hiện đại. Chú trọng xây dựng, hoàn thiện thể chế và tạo thuận lợi phát triển mạnh thương mại điện tử, tăng cường quản lý thương mại điện tử xuyên biên giới; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi

phạm trong hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử.

**4. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo**

a) Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp; tập trung phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ... Tập trung phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với công nghệ thông minh, chuyển đổi số để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Thúc đẩy tiến độ các dự án công nghiệp lớn, có tác động lan tỏa.

b) Cơ cấu lại ngành nông nghiệp phù hợp với từng vùng miền gắn với phát triển kinh tế nông thôn và bảo đảm đời sống của nông dân, người làm nông nghiệp; thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn theo nhu cầu thị trường, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, ứng dụng công nghệ cao, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp, bảo đảm hiệu quả và an ninh lương thực vững chắc; đẩy mạnh tái đàn lợn, mở rộng chăn nuôi áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt VietGAP, bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, thân thiện với môi trường. Theo dõi chặt chẽ diễn biến dịch bệnh, thiên tai để chủ động có các biện pháp phòng, chống hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại. Đẩy mạnh khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng mới, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn; nâng cao hiệu quả và tăng trưởng kinh tế lâm nghiệp. Đầu tư hạ tầng thủy sản, đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi trồng thủy sản; đẩy mạnh nuôi biển, khai thác thủy sản xa bờ gắn liền với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản theo quy định và thông lệ quốc tế. Xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tiếp tục cơ cấu lại lĩnh vực dịch vụ vận tải theo hướng tăng thị phần các phương thức vận tải đường thủy nội địa và đường sắt; chú trọng phát triển vận tải đa phương thức; nâng cao năng lực và giảm chi phí dịch vụ logistics. Triển khai đồng bộ, linh hoạt các chính sách kích cầu, phục hồi du lịch nội địa; nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh.



Phát triển thị trường thông tin và truyền thông bền vững; tập trung phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

d) Tổ chức xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tập trung nguồn lực thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Tập trung hoàn thành và nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, đặc biệt các dự án quy mô lớn. Quyết liệt thực hiện các giải pháp về đẩy mạnh giải ngân, gắn với nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công ngay từ đầu năm; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân; kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước của các bộ, ngành, địa phương và các dự án chậm giải ngân sang các bộ, ngành, địa phương và các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn.

đ) Tiếp tục chi đạo cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, đặc biệt là các tổ chức tín dụng yếu kém: củng cố, chấn chỉnh hệ thống quỹ tín dụng nhân dân; tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng, hạn chế nợ xấu phát sinh, nhất là trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid-19. Tăng cường thanh tra, giám sát hoạt động của tổ chức tín dụng, đặc biệt là đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao.

e) Tiếp tục rà soát, thu hẹp phù hợp các ngành, lĩnh vực kinh doanh mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, thúc đẩy sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp và cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện. Xây dựng và áp dụng khung quản trị doanh nghiệp phù hợp với chuẩn mực quốc tế tại các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước. Chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương về quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm công khai, minh bạch. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan. Tập trung xử lý dứt điểm các dự án thua lỗ, kém hiệu quả, nhất là các dự án ngành công thương.

g) Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp lý cho các loại hình kinh doanh mới, kinh tế số, cung cấp dịch vụ công. Ban hành chính sách thử nghiệm (Sandbox) các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh, công nghệ mới, như: kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm, đô thị thông minh,... đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển của nền kinh tế. Đẩy nhanh và triển khai toàn diện chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp Việt Nam, trong đó chú trọng doanh nghiệp nhỏ và vừa. Xây dựng hạ tầng kinh tế số, xã hội số, hạ tầng kết nối thông minh, phát triển trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật. Từng bước hình thành hạ tầng mạng thông tin

di động 5G. Tăng cường sử dụng chung cơ sở hạ tầng công nghệ số và truyền thông, nền tảng dùng chung.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số gắn với hoàn thiện thể chế, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng. Phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu nền tảng, cốt lõi của Chính phủ điện tử; đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Tăng cường sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, xử lý công việc trên môi trường mạng và họp trực tuyến; triển khai các chế độ báo cáo, chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, kết nối với Trung tâm thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục tái cấu trúc quy trình để tích hợp, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và đẩy mạnh tích hợp dịch vụ thanh toán trên Công Dịch vụ công quốc gia. Khẩn trương triển khai việc kết nối chia sẻ dữ liệu hành chính giữa các cơ quan quản lý nhà nước để hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia phục vụ quản lý, điều hành các cấp.

h) Phát triển mạnh và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã. Lựa chọn, nhân rộng các mô hình hợp tác xã điển hình, có quy mô phù hợp, hiệu quả. Phát triển mạnh kinh tế tư nhân, kết hợp hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, thúc đẩy liên kết doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp tư nhân có quy mô vừa và lớn, xây dựng thương hiệu của doanh nghiệp Việt Nam; thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo, hỗ trợ phù hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa để khai thác thị trường nội địa và tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu.

**5. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt quy hoạch, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm; phát triển mạnh kinh tế biển; tăng cường liên kết vùng; phát huy vai trò các vùng kinh tế trọng điểm, đô thị lớn; đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới**

a) Tăng cường huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư, chú trọng phát huy nội lực của nền kinh tế, đồng thời tiếp tục huy động vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, thu hút có chọn lọc các nguồn lực đầu tư từ bên ngoài, nhất là các luồng vốn FDI dịch chuyển trong khu vực và toàn cầu. Đẩy mạnh đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

b) Tập trung nguồn lực cho các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm như đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, Biên Hòa - Vũng Tàu, một số



công trình trọng điểm, giao thông liên vùng ở phía Bắc, nhất là ở vùng Tây Bắc; đẩy nhanh thực hiện thu phí sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng; tập trung đầu tư giai đoạn 1 cảng hàng không quốc tế Long Thành, đầu tư, mở rộng các cảng hàng không quốc tế: Tân Sơn Nhất, Nội Bài, Đà Nẵng. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, nâng cấp các tuyến đường ven biển kết nối liên vùng và các khu kinh tế, đô thị lớn ven biển cả nước. Tiếp tục phát triển hệ thống cảng biển quốc gia, cảng cửa ngõ quốc tế tại các vùng kinh tế trọng điểm; đầu tư hạ tầng các khu kinh tế ven biển được xác định ưu tiên phát triển. Phát triển phù hợp hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn, miền núi, vùng khó khăn để tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

c) Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án trọng điểm ngành điện, huy động tối đa các nguồn lực bảo đảm cung ứng đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt, tuyệt đối không để thiếu điện. Bảo đảm tăng trưởng điện phù hợp với tăng trưởng kinh tế. Khuyến khích sự tham gia mạnh mẽ của khu vực kinh tế ngoài nhà nước, đa dạng hóa phát triển nguồn cung năng lượng, bảo đảm hiệu quả, bền vững. Thực hiện các giải pháp nhằm giảm tổn thất điện năng, tiết kiệm, sử dụng hiệu quả điện trong sản xuất, truyền tải và phân phối. Rà soát các thủy điện nhỏ và vừa, bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa các nguồn điện gắn với vấn đề bảo vệ môi trường.

d) Đẩy nhanh việc lập và phê duyệt các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn giai đoạn 2021- 2030. Bảo đảm mặt bằng cho thu hút đầu tư, phát triển sản xuất. Thúc đẩy liên kết nội vùng, liên vùng, hội nhập quốc tế, khai thác chức năng đặc thù các vùng, phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, đô thị lớn. Phát triển mạnh kinh tế biển, bảo đảm cuộc sống người dân gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo.

đ) Tăng cường quản lý phát triển đô thị, xử lý hiệu quả các vấn đề giao thông, ngập úng, môi trường và rác thải đô thị. Tiếp tục rà soát, cập nhật hoàn thiện cơ sở dữ liệu đô thị.

e) Rà soát, hoàn thiện khung khổ pháp luật, cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới; bố trí nguồn lực phù hợp cho xây dựng nông thôn mới. Nâng cao chất lượng phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp”.

**6. Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ**

a) Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn. Có cơ chế phù hợp thu hút, trọng dụng và bồi dưỡng nhân tài, xây dựng đội ngũ tri thức trong thời kỳ mới.

b) Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo. Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo trong cả nước; nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Bảo đảm chất lượng, tiến độ triển khai về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội. Tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng cho học sinh, sinh viên; bảo đảm an toàn trường học. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước và thực hiện quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình đối với cơ sở giáo dục. Tăng cường công tác quản trị nhà trường; thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đào tạo.

c) Triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp. Đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin. Chú trọng phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, đào tạo, đào tạo lại, chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tăng cường các hoạt động đào tạo nghề nghiệp cho người dân tộc thiểu số, người khuyết tật và các nhóm yếu thế khác trong xã hội; xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình khởi sự, khởi nghiệp, xúc tiến việc làm cho học sinh, sinh viên.

d) Tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ nghiên cứu phục vụ sản xuất và đời sống, nhất là công tác phòng, chống đại dịch Covid-19, đặc biệt là nghiên cứu sản xuất vắc-xin. Nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ. Cơ cấu lại và tổ chức triển khai hiệu quả các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia. Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tạo thuận lợi cho các nhà khoa học, sự tham gia của doanh nghiệp; hoàn thiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia và sự gắn kết, hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với khu vực công nghiệp và doanh nghiệp, phát huy vai trò hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo. Có cơ chế, chính sách để thu hút mạnh các nguồn lực khoa học công nghệ cao từ các tập đoàn hàng đầu thế giới.



## **7. Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế**

a) Tiếp tục thực hiện tốt Kết luận số 76-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Ưu tiên nguồn lực cho trùng tu, tôn tạo, phát huy các giá trị di sản văn hóa. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thực hiện tốt nếp sống văn minh trong lễ hội, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật nhằm nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân... Xây dựng cơ sở dữ liệu về gia đình; tăng cường giải pháp quản lý và cung cấp dịch vụ công về gia đình.

b) Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; đa dạng các hình thức tổ chức tập luyện thể dục, thể thao ở cơ sở; đổi mới nội dung, phương pháp tổ chức các hoạt động thể dục thể thao quần chúng. Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo tài năng thể thao, nâng cao trình độ, thành tích của thể thao thành tích cao; chuẩn bị các điều kiện và tổ chức tốt việc đăng cai SeaGames 31 và ASEAN Para Games 11.

c) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới. Phát triển mạng lưới y tế cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tập trung theo dõi, quản lý sức khỏe người dân, tăng cường khám chữa bệnh từ xa, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới. Nâng cao năng lực của hệ thống y tế dự phòng; nghiên cứu, sản xuất, kiểm nghiệm, kiểm định thuốc, vắc-xin, sinh phẩm, trang thiết bị y tế để chủ động trong phòng, chống và điều trị dịch, bệnh. Bảo đảm an ninh y tế, an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng tiêm chủng, khám, chữa bệnh, đổi mới đào tạo nhân lực y tế, thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số y tế, tăng mức hài lòng của người dân. Kết hợp chặt chẽ y học cổ truyền với y học hiện đại. Tiếp tục thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế gắn với lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân; tăng cường phân cấp, tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, bảo đảm công khai, minh bạch. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế trong cả nước, giảm mất cân bằng giới tính khi sinh. Nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và bà mẹ, trẻ em.

d) Triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020. Phát triển

hệ thống chính sách xã hội toàn diện, bao trùm và bền vững, bảo đảm bình đẳng về cơ hội tiếp cận. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án giải quyết việc làm; triển khai thực hiện chính sách việc làm công, chính sách hỗ trợ cho thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp. Hỗ trợ tạo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc cho lao động trong khu vực phi chính thức, nhóm lao động yếu thế. Tiếp tục mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới; bảo đảm an toàn lao động. Nâng cao nhận thức của người lao động, người sử dụng lao động trong việc thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

đ) Hoàn thiện phương pháp tiếp cận đo lường nghèo đa chiều gắn với các mục tiêu phát triển bền vững giai đoạn 2021-2025. Nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, phát huy sáng kiến giảm nghèo dựa vào cộng đồng. Tăng cường vận động, khơi dậy ý chí vươn lên chủ động thoát nghèo. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án giảm nghèo theo hướng bền vững, bao trùm, tăng khả năng tiếp cận của đối tượng thụ hưởng và sự tham gia của người nghèo.

e) Thực hiện đầy đủ, hiệu quả, công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, bảo đảm thanh toán chi trả thuận lợi, an toàn, khuyến khích chi trả thông qua tổ chức dịch vụ bưu chính công ích. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe đối với người có công với cách mạng. Tiếp tục thực hiện Đề án xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin; hoàn thiện cơ sở dữ liệu về liệt sỹ, thân nhân liệt sỹ, mộ và nghĩa trang liệt sỹ. Đẩy mạnh các phong trào Đền ơn đáp nghĩa, “Uống nước nhớ nguồn”, huy động nguồn lực trong xã hội cùng chính sách hỗ trợ của Nhà nước để chăm sóc tốt hơn đời sống của người có công với cách mạng, nhất là hỗ trợ về nhà ở.

g) Thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội. Phát triển mô hình chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân vào triển khai các mô hình chăm sóc người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, chi trả chính sách bảo hiểm, an sinh xã hội cho người dân. Thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội tại khu vực đô thị, nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp, nhà ở cho thuê, nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà ở thương mại giá thấp.

h) Thực hiện tốt quyền trẻ em, các Công ước quốc tế về quyền trẻ em mà Việt Nam đã phê chuẩn. Tăng cường truyền thông về thực hiện quyền trẻ



em; bảo vệ trẻ em, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em; giảm mạnh tỷ lệ trẻ em bị đuối nước. Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em từ trung ương đến địa phương. Tăng cường đánh giá, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Thanh niên năm 2020. Thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và cơ quan dân cư. Đa dạng hóa truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới; phòng chống bạo lực gia đình.

i) Quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng về vấn đề dân tộc, đoàn kết dân tộc; triển khai Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và các nhiệm vụ về công tác dân tộc trong tình hình mới.

k) Làm tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, nhất là ở cấp cơ sở; nghiên cứu chính sách tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo tham gia vận động thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh, phát triển kinh tế, xã hội. Tổ chức tốt các hoạt động đối ngoại tôn giáo. Bảo đảm an ninh trong tôn giáo, đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, vu cáo của các thế lực thù địch.

l) Tiếp tục xử lý các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; nâng cao chất lượng công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, đăng kiểm phương tiện; tăng cường quản lý hoạt động kinh doanh vận tải, kiểm soát tải trọng phương tiện. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát động và thực hiện phong trào toàn dân tham gia phòng, chống tệ nạn xã hội.

### **8. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; tăng cường phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai**

a) Hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu. Tháo gỡ khó khăn, nhất là về thủ tục hành chính; sửa đổi, bổ sung các quy định, trình tự, thủ tục chưa rõ ràng, chồng chéo, bảo đảm đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, nhất là trong quản lý, khai thác, sử dụng đất, nước, tài nguyên thiên nhiên. Tập trung xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về đất đai, thực hiện kết nối liên thông với cơ quan thuế. Đẩy mạnh giải quyết, sắp xếp đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh. Tăng cường công tác điều tra và đánh giá rừng và tài nguyên nước. Quản lý chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên

hiện có, nâng cao độ che phủ và chất lượng rừng. Tăng cường hợp tác quốc tế và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên nước. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước gắn với chiến lược an ninh nguồn nước; bảo đảm cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh cho nhân dân, nhất là người dân nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số. Xử lý nghiêm vi phạm trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

b) Triển khai hiệu quả Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi, Hoàn thiện cơ chế đề thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn. Kiểm soát chặt chẽ môi trường các khu công nghiệp, làng nghề. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường. Thúc đẩy, thu hút đầu tư, xử lý tái chế rác thải bằng công nghệ chế biến, công nghệ sinh học thay cho chôn lấp trực tiếp. Khôi phục môi trường các lưu vực sông; cải thiện môi trường không khí ở đô thị; bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái đặc hữu.

c) Tích cực triển khai Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về Đề án tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu xây dựng giải pháp tổng thể phòng, chống thiên tai ở các vùng chịu nhiều rủi ro thiên tai; tập trung nguồn lực cho phát triển Đồng bằng sông Cửu Long và các vùng chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu. Xây dựng bản đồ cảnh báo vùng có nguy cơ trượt lở, sụt lún ở tỷ lệ lớn. Đẩy mạnh xã hội hóa, nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, trọng tâm là dự báo, cảnh báo các thiên tai liên quan đến bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, lũ quét, sạt lở đất. Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn; tăng cường truyền thông và nhận thức cộng đồng, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hoàn thiện công cụ hỗ trợ chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai; tổ chức có hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai, dựa vào cộng đồng.

**9. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng hệ thống hành chính nhà nước kiến tạo, phát triển, liêm chính, hành động quyết liệt, phục vụ nhân dân; tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

a) Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước phù hợp theo ngành và lĩnh vực bảo đảm quản lý thống nhất, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương. Rà soát, kiện toàn các cơ quan hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Quản lý chặt chẽ việc sắp xếp, điều chỉnh, thành lập mới và phân loại đơn vị hành chính các cấp.



b) Thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai Đề án cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước, Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan trong hệ thống chính trị đến năm 2030, Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức; chú trọng bồi dưỡng công chức theo các ngạch, bậc, tiêu chuẩn chức danh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thi tuyển và thi nâng ngạch công chức, bảo đảm công khai, minh bạch. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống bảng lương mới theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo; sắp xếp lại các chế độ phụ cấp hiện hành; hoàn thiện cơ chế quản lý tiền lương và thu nhập.

c) Tiếp tục chú trọng cải cách thủ tục hành chính; đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tiết giảm chi phí và tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức. Đẩy nhanh tiến độ và triển khai có hiệu quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025 của Chính phủ. Tiếp tục đổi mới hoạt động kiểm tra chuyên ngành theo hướng tập trung đầu mối, phân định rõ thẩm quyền, chuyển mạnh từ cơ chế “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”.

d) Tạo chuyển biến cơ bản, bền vững, thực chất công tác thi hành án dân sự, hành chính. Tập trung giải quyết các vụ việc trọng điểm, các vụ việc phức tạp, kéo dài. Tiếp tục triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trong đó tập trung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, bảo đảm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân; đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc.

đ) Tăng cường thanh tra công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực quan trọng của các ngành, các cấp, bảo đảm khách quan, đúng quy định. Hoạt động thanh tra chuyên ngành tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, vấn đề gây bức xúc trong đời sống xã hội. Tăng cường phối hợp, hạn chế và xử lý kịp thời chông chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra,

kiểm toán, không gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Không hình sự hóa quan hệ dân sự, kinh tế.

e) Đẩy mạnh, triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; bảo vệ người phát hiện, tố giác, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; quy định về xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị; cơ chế kiểm soát quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền... Đổi mới hình thức, cách thức tuyên truyền, phổ biến về phòng, chống tham nhũng. Tăng cường theo dõi, đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí của các bộ, ngành, địa phương.

g) Tăng cường thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

h) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Luật tiếp công dân, Luật khiếu nại, Luật tố cáo, các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là Quy định số 11-QĐ/TW ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân. Thực hiện có hiệu quả công tác giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài.

#### **10. Củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi cho phát triển đất nước**

a) Chủ động làm tốt công tác nghiên cứu chiến lược; nắm, đánh giá, dự báo đúng tình hình, kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước có chủ trương, đối sách và xử lý thắng lợi các tình huống, không để bị động, bất ngờ, nhất là những vấn đề phức tạp, nhạy cảm liên quan đến độc lập, chủ quyền, lợi ích quốc gia, dân tộc, biên giới, biển đảo, an ninh chính trị; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Tăng cường các nguồn lực thực hiện mục tiêu hiện đại hóa quân đội; bảo đảm quốc phòng, an ninh kết hợp chặt chẽ với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nhất là trên các tuyến biên giới, biển đảo, địa bàn chiến lược, trọng điểm. Duy trì nghiêm công tác trực sẵn sàng chiến đấu, quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, các địa bàn trọng điểm và không gian mạng; bảo vệ an toàn hoạt động vùng kinh tế biển; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm - cứu nạn. Đẩy



mạnh phòng, chống, trấn áp các loại tội phạm; tăng cường phòng chống cháy nổ, bảo đảm cuộc sống bình yên cho nhân dân, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, lành mạnh. Triển khai có hiệu quả Luật Cư trú sửa đổi; sản xuất, cấp và quản lý Căn cước công dân gắn với việc chuyển đổi phương thức quản lý cư trú bằng hộ khẩu giấy sang quản lý bằng điện tử. Sớm hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, sự kiện chính trị, văn hóa, đối ngoại quan trọng của đất nước, trọng tâm là bảo vệ an toàn tuyệt đối Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

c) Đẩy mạnh hội nhập quốc tế, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi cho phát triển đất nước. Thúc đẩy và làm sâu sắc quan hệ song phương với các nước và các đối tác, nâng tầm đối ngoại đa phương. Tiếp tục đảm nhiệm tốt vai trò ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp Quốc. Phát huy tốt vai trò tích cực, đi đầu trong ASEAN, tham gia chủ động, có trách nhiệm trên các diễn đàn quốc tế, khu vực khác. Tiếp tục quan tâm hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và triển khai hiệu quả công tác bảo hộ công dân. Tăng cường hợp tác quốc tế ứng phó đại dịch Covid-19. Đẩy mạnh và đổi mới công tác thông tin đối ngoại, quảng bá hình ảnh của Việt Nam, tạo sự đồng thuận cao trong dư luận xã hội đối với hoạt động hội nhập quốc tế, nâng cao uy tín và vị thế của đất nước trên trường quốc tế.

**11. Đẩy mạnh thông tin truyền thông, tạo niềm tin, đồng thuận xã hội; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tăng cường phối hợp công tác với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân**

a) Tập trung thông tin tuyên truyền về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn, đặc biệt là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Chú trọng tuyên truyền, cổ vũ những gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến, vượt khó vươn lên, có tác động lan tỏa tích cực, khơi dậy lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và khát vọng phát triển đất nước. Thực hiện nghiêm cơ chế phát ngôn, tăng cường kỷ cương hoạt động báo chí, kịp thời phản bác các quan điểm, tư tưởng sai trái, không để đối tượng thù địch lợi dụng. Đấu tranh ngăn chặn hiệu quả thông tin xấu, độc; xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng quyền tự do ngôn luận, vi phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.



b) Tiếp tục phát huy hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể; thực hiện tốt công tác dân vận, quy chế dân chủ cơ sở, thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội.

### **III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU ĐƯỢC GIAO TẠI CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP**

*(Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương báo cáo đánh giá chi tiết theo các Phụ lục đính kèm).*

## DANH SÁCH GỬI VĂN BẢN

### I. CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ (23):

TT	BỘ/ CƠ QUAN NGANG BỘ	TT	BỘ/ CƠ QUAN NGANG BỘ
1.	Bộ Quốc phòng	12.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2.	Bộ Công an	13.	Bộ Nội vụ
3.	Bộ Ngoại giao	14.	Bộ Y tế
4.	Bộ Tư pháp	15.	Bộ Khoa học và Công nghệ
5.	Bộ Tài chính	16.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
6.	Bộ Công thương	17.	Bộ Tài nguyên và Môi trường
7.	Bộ Lao động – Thương binh và xã hội	18.	Thanh tra Chính phủ
8.	Bộ Giao thông vận tải	19.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
9.	Bộ Xây dựng	20.	Ủy ban Dân tộc
10.	Bộ Thông tin và truyền thông	21.	Văn phòng Chính phủ
11.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	22.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
		23.	Tổng cục Thống kê

### II. CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ(7):

TT	CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ	TT	CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ
1.	Đài Tiếng nói Việt Nam	5.	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ VN
2.	Đài Truyền hình Việt Nam	6.	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội VN
3.	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	7.	Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp
4.	Thông tấn xã Việt Nam		

**III. UBND CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG (63):**

<b>TT</b>	<b>CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ</b>	<b>TT</b>	<b>CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ</b>
1.	Hà Giang	33.	Quảng Nam
2.	Cao Bằng	34.	Quảng Ngãi
3.	Bắc Cạn	35.	Bình Định
4.	Lạng Sơn	36.	Phú Yên
5.	Tuyên Quang	37.	Khánh Hòa
6.	Thái Nguyên	38.	Ninh Thuận
7.	Phú Thọ	39.	Bình Thuận
8.	Bắc Giang	40.	Kon Tum
9.	Quảng Ninh	41.	Gia Lai
10.	Lào Cai	42.	Đắk Lắk
11.	Yên Bái	43.	Đắk Nông
12.	Điện Biên	44.	Lâm Đồng
13.	Hòa Bình	45.	Bình Phước
14.	Lai Châu	46.	Bình Dương
15.	Sơn La	47.	Đồng Nai
16.	Bắc Ninh	48.	Tây Ninh
17.	Hà Nam	49.	Bà Rịa – Vũng Tàu
18.	Hà Nội	50.	TP. Hồ Chí Minh
19.	Hải Dương	51.	Long An
20.	Hải Phòng	52.	Đồng Tháp
21.	Hưng Yên	53.	Tiền Giang
22.	Nam Định	54.	An Giang
23.	Ninh Bình	55.	Bến Tre
24.	Thái Bình	56.	Vĩnh Long
25.	Vĩnh Phúc	57.	Trà Vinh
26.	Thanh Hóa	58.	Hậu Giang
27.	Nghệ An	59.	Kiên Giang
28.	Hà Tĩnh	60.	Sóc Trăng
29.	Quảng Bình	61.	Bạc Liêu
30.	Quảng Trị	62.	Cà Mau
31.	Thừa Thiên – Huế	63.	Cần Thơ
32.	Đà Nẵng		